TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Vĩ Bửu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Sơn .

2. Bà Dương Thị Nguyệt.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Toà án nhân dân Quận 11.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên toà***:

Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 574/2017/TLST – HNGĐ ngày 26/10/2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà L.T. K. C - Sinh năm 1975;

Địa chỉ: XX Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông T. T. V - Sinh năm 1972;

Địa chỉ: YY Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các biên bản lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, bà L. T. K. C trình bày:

Bà C và ông V kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số AA, quyển số 01/2000 ngày 22/6/2000 tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống, giữa bà C và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa hai bên luôn xảy ra xung đột do không phù hợp về tính tình và không có hạnh phúc. Bà C và ông V đã không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Hiện giờ bà C xác định tình cảm giữa bà và ông V không còn, không thể

hàn gắn với nhau được nên bà C yêu cầu ly hôn với ông V để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý.

Về con chung: Bà C và ông V có 01 (một) con chung tên T.U T, nam, sinh ngày 03/11/2000. Bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn: Ông V đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để Toà án lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông V đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai, ý kiến và yêu cầu của ông V được.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo về thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn và về thời hạn đưa vụ án ra xét xử, đề nghị khắc phục.

- Về nội dung vụ án:

+ Yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông V là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

+ Về con chung: Bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng đối với trẻ T và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu này.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn". Bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông V có nơi cư trú tại Quận 11, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà C có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Ông V đã được Tòa án tống đạt xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C và ông V.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

a) Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông V có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà C và ông V không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn tin tưởng đối với nhau. Bà C và ông V đã không còn chung sống với nhau một năm nay. Hiện giờ bà C xác định không còn tình cảm với ông V nên yêu cầu được ly hôn với ông V.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 4, Quận 11 và Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 11 thì hiện nay ông V đang cư trú tại địa chỉ XX Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 4, Quận 11, còn bà C đã không còn cư trú tại đây từ đầu năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông V trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài quan hệ hôn nhân này không còn ý nghĩa và không mang lại hạnh phúc cho hai bên. Do đó, việc bà C yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C.

* Về con chung:

- Bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng đối với con chung là trẻ T và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 13/12/2017 tại Tòa án nhân dân Quận 11 thì em T nêu nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì muốn được sống với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng đối với con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận yêu cầu này của bà C.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

b) Về phía bị đơn: Theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: " Đương sự có yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

(…) Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó …"

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông V đã không có yêu cầu gì và cũng không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V. Ngoài ra, tại các buổi lấy lời khai, các phiên hòa giải và trong các phiên tòa xét xử ông V đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông V không có thiện chí muốn tiếp tục chung sống với bà C và chấp nhận ly hôn với bà C.

3. Về án phí: Bà C chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà L T K C. Bà L T K C được ly hôn với ông TT V.

Giấy chứng nhận kết hôn số xx, quyển số 01/2000 ngày x/y/2000 tại Uỷ ban nhân dân Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đối với con chung là em T.U.T, nam, sinh ngày 03/11/2000. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà C chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004587 ngày 25/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKS-TAND TP.HCM;
- VKSND Q.11;
- CCTHADS Q.11;
- UBND P.4, Q.11;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Vĩ Bửu